

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2017/HSST

Ngày 28 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Bà Đinh Thị Vân Anh

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trịnh Văn Nhất

2. Bà Hoàng Thị Hồng

**Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Cán bộ  
Toà án nhân dân thành phố B.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:** Ông Nguyễn Ngọc Ước -  
Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử  
sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 169/2017/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2017 đối  
với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Văn P**, sinh năm 1996

Nơi ĐKKHKT: xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở: bản P, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Đang cư trú tại C, phường V, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Tự do; Văn hoá: 08/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không.

Bố đẻ: Lò Văn L, sinh năm 1974.

Mẹ đẻ: Lò Thị C, sinh năm 1978.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam ngày 27/7/2017, hiện đang bị tạm  
giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

2. Họ và tên: **Lò Văn H**, sinh năm 1996.

Nơi ĐKKTT: xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở: bản P, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Đang cư trú tại C, phường V, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Tự do; - Văn hoá: 06/12.

Quốc tịch: Việt Nam; - Dân tộc: Thái; - Tôn giáo: Không.

Bố đẻ: Lò Văn P, sinh năm 1967.

Mẹ đẻ: Lò Thị P, sinh năm 1972.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam ngày 27/7/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

HKTT: xã B, huyện N, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở: dốc P, phường D, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh.

- Ông Trần Đình N, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn D, xã M, huyện G, tỉnh Bắc Giang.

### **NHẬN THẤY:**

Các bị cáo Lò Văn H và Lò Văn P bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 22 giờ 20 phút ngày 27/7/2017, tại khu vực bến phà C, phường P thành phố B, tỉnh Bắc Giang, tổ công tác Công an phường P, thành phố B bắt quả tang Lò Văn H và Lò Văn P, đều có HKTT: xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 04 gói giấy bạc đều có mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng, bên trong mỗi gói đều đựng chất cục bột màu trắng, nghi là ma túy Heroine, thu tại dưới nền đất cạnh vị trí H đứng, do H thả từ tay phải xuống, được niêm phong tại chỗ trong một phong bì thư.

- Thu giữ của Lò Văn H: 01 đồng hồ đeo tay bằng kim loại đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Lò Văn P: 01 xe mô tô nhãn hiệu FERVOR BKS 98L8-8280; 01 điện thoại di động Nokia 1110i màu trắng đen; 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen đều đã qua sử dụng.

Sau đó lực lượng Công an đưa người cùng vật chứng về trụ sở Công an phường P, thành phố B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Ngày 31/7/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang có Kết luận giám định số 1163/KL-PC54 kết luận:

- Trong 01 phong bì thư đã được niêm phong gửi giám định: Chất cục bột màu trắng đựng trong 04 (bốn) gói giấy bạc đều có mặt ngoài màu trắng bạc mặt trong màu trắng đều là chất ma túy Heroine có tổng trọng lượng (khối lượng): 0,189gam.

Quá trình điều tra Lò Văn P và Lò Văn H cùng khai nhận: Khoảng 21 giờ 30 ngày 27/7/2017, P lái xe mô tô BKS: 98L9-8280 đèo sau là H đi từ khu vực C, phường V, thành phố Bắc Ninh sang khu vực bến phà Chi Ly 1, phường P, thành phố B mục đích mua ma túy để sử dụng. Trước khi đi P và H bàn mỗi người góp 100.000 đồng, đưa cho H cầm tiền và thống nhất cùng nhau lên thành phố B để mua ma túy cùng sử dụng. Khi đến nơi P và H đỗ xe máy gần sườn đê Chi Ly 1. H đưa 200.000 đồng cho P và cùng đi đến trước một nhà có cửa sắt ở dốc bến phà Chi Ly 1. Qua ô cửa sắt, P hỏi mua của một người phụ nữ không quen biết 200.000 đồng được 04 gói ma túy Hêrôin. P khi mua được ma túy, P cầm số ma túy vừa mua được đưa lại cho H đứng cạnh đó. H nhận số ma túy mà P đưa cầm ở tay phải quay ra cùng P lên xe máy để quay về. Đi được khoảng 50m thì bị lực lượng Công an kiểm soát. Do sợ hãi, Hà đã thả từ tay phải xuống đất 04 gói ma túy vừa mua được nhưng bị lực lượng Công an phát hiện thu giữ.

Về nguồn gốc số ma túy: P và H cùng khai mua của một người phụ nữ không quen biết, nên Cơ quan điều tra Công an thành phố B không đủ căn cứ xử lý.

Về vật chứng của vụ án: chiếc điện thoại Nokia 1280, chiếc xe mô tô BKS: 98L9-8280 P và H sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy ngày 27/7/2017, P và H khai mượn của anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1982, nơi đăng ký HKTT: xã M, huyện T, tỉnh Nam Định. Anh M cho biết: năm 2016 anh có mua chiếc xe mô tô trên của một người không quen biết dùng làm phương tiện đi lại, khi mua không làm thủ tục sang tên. Ngày 27/7/2017, anh M cho P và H mượn chiếc xe máy trên cùng chiếc điện thoại di động Nokia 1280. Khi mượn, P và H chỉ nói với anh M là

để đi chơi và mua quần áo. Anh M không biết việc P và H đi mua ma túy. Qua xác minh, chiếc xe trên được đăng ký mang tên Trần Đình N, trú tại: thôn Q, xã D, huyện G, tỉnh Bắc Giang. Anh N cho biết anh từng sở hữu chiếc xe trên nhưng đã bán lại cho một người không quen biết ở Bắc Ninh đã lâu, khi bán không làm thủ tục sang tên. Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố B đã ra quyết định xử lý vật chứng số 101 ngày 23/10/2017, trả lại chiếc xe trên cùng chiếc điện thoại di động Nokia 1280 cho anh Nguyễn Văn M.

Cáo trạng số 170/KSĐT ngày 30/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Lò Văn H và Lò Văn P về tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**” theo khoản 1 Điều 194 - Bộ luật Hình sự.

**Tại phiên tòa hôm nay**, các bị cáo Lò Văn H và Lò Văn P đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội. Bị cáo Lò Văn P khai gia đình bị cáo có ông nội là Lò Văn T tham gia kháng chiến chống Mỹ, là thương binh hạng 3 và được tặng thưởng huân, huy chương nhưng do điều kiện nhà bị cáo ở xa nên không thể cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc này cho Tòa án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn M vắng mặt nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra như sau:* Tôi ngày 27/7/2017, tại chỗ làm của anh ở làng C, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Lò Văn H và Lò Văn P là 02 người làm thợ phụ cho anh có gặp anh sau khi ăn cơm tối và đặt vấn đề muốn anh cho ứng trước tiền công mỗi người 100.000 đồng để đi mua quần áo. Anh đồng ý và đưa cho H à P tổng số 200.000 đồng. Sau đó P có hỏi mượn chiếc xe mô tô BKS 98L9 – 8280 của anh để đi chơi và mượn chiếc điện thoại Nokia 1280 màu đen của anh để gọi cho người yêu do điện thoại của P hết tiền. Anh đồng ý. Sau đó H và P đi đâu thì anh không biết. Chiếc xe mô tô BKS 98L9 – 8280 anh mua lại của một người mới quen từ năm 2016, khi mua chỉ thoả thuận miệng, không làm giấy tờ mua bán và xe vẫn đăng ký mang tên Trần Đình N.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đình N vắng mặt nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra như sau:* Năm 2006, anh có mua một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Fervor BKS 98L9 – 8280 và đăng ký xe chính chủ mang tên anh là Trần Đình N để làm phương tiện đi lại. Sau đó anh không nhớ rõ năm nào đã bán chiếc

xe trên cho một người bạn mới quen (anh không nhớ tên, tuổi, địa chỉ) ở Bắc Ninh. Khi mua bán hai bên chỉ thoả thuận bằng miệng, không làm giấy tờ gì.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1, Tuyên bố các bị cáo Lò Văn H, Lò Văn P phạm tội **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**

2, Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 33 - Bộ luật hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn H từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/7/2017.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn P từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/7/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 - Bộ luật hình sự; Điều 76 - Bộ luật dân sự.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định;

- Trả lại bị cáo Lò Văn P 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1110i đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 đồng hồ đeo tay bằng kim loại đã qua sử dụng của bị cáo Lò Văn H.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

### **XÉT THẤY:**

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang; vật chứng thu giữ và kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình

sự Công an tỉnh Bắc Giang, đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 22 giờ 20 phút ngày 27/7/2017, tại khu vực bến phà Chi Ly I, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, Lò Văn H và Lò Văn P bị bắt quả tang có hành vi tàng trữ trái phép 0,189 g chất ma túy Hêrôin để sử dụng.

Theo hướng dẫn tại điểm e mục 3.6 Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ công an – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Toà án nhân dân tối cao – Bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự 1999, với trọng lượng ma túy Hêrôin tàng trữ là 0,189 gam thì hành vi nêu trên của Lò Văn H và Lò Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại khoản 1 Điều 194 - Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo về tội danh theo khoản, điều luật như trên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Việc tàng trữ, sử dụng các chất ma túy của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác và là con đường lây lan nhiều loại bệnh xã hội. Chỉ vì thoả mãn nhu cầu của bản thân, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội chứng tỏ các bị cáo là những kẻ coi thường pháp luật. Do vậy cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho loại tội phạm này.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 249 - Bộ luật hình sự 2015 thì khung hình phạt đối với tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là từ 01 năm đến 05 năm tù. Trong khi đó khung hình phạt của loại tội này tại khoản 1 Điều 194 - Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là từ 02 năm đến 07 năm tù. Căn cứ tinh thần của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, việc áp dụng quy định về khung hình phạt tại khoản 1 Điều 249 - Bộ luật hình sự 2015 theo hướng có lợi cho các bị cáo trong vụ án này là phù hợp.

Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Mặc dù trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có sự bàn bạc, thống nhất góp tiền đưa cho bị cáo H cầm đi mua ma túy song không có sự phân công rõ ràng về vị trí, vai trò của từng người; các bị

cáo cùng đi, cùng vào mua ma túy nên đây chỉ là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn.

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: Bị cáo Lò Văn H và bị cáo Lò Văn P đều chưa có tiền án, tiền sự gì.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: các bị cáo H và P không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 48 - Bộ luật hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: trước cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay, các bị cáo H và P có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 - Bộ luật hình sự, cần xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình. Tại phiên toà, bị cáo P khai có ông nội là thương binh hạng 3 và được tặng thưởng huân, huy chương nhưng bị cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 – Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, xét thấy: cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục các bị cáo trở thành người công dân biết tuân thủ pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 - Bộ luật hình sự, việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là cần thiết để tăng tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để các bị cáo yên tâm cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 phong bì thư niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định bên trong chứa chất Hêrôin là vật Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 41 - Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 76 - Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chiếc điện thoại di động Nokia 110i màu đen, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo Lò Văn P, không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng

tạm giữ để đảm bảo thi hành án theo quy định tại Điều 42 - Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 76 - Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chiếc đồng hồ đeo tay bằng kim loại, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo Lò Văn H, không liên quan đến việc phạm tội nhưng bị cáo không có ý kiến xin lại nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều Điều 41 - Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 76 - Bộ luật tố tụng hình sự.

Người phụ nữ bán ma túy cho các bị cáo do các bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý là phù hợp.

Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1, Tuyên bố các bị cáo Lò Văn H và Lò Văn P phạm tội **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**.

2, Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 33 - Bộ luật hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

Xử phạt:

- Bị cáo Lò Văn H **01 (một) năm 03 (ba) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/7/2017.

- Bị cáo Lò Văn P **01 (một) năm 03 (ba) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/7/2017.

3, Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41, Điều 42 - Bộ luật hình sự; Điều 76 - Bộ luật tố tụng hình sự:

\* Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định.

\* Trả lại bị cáo Lò Văn P chiếc điện thoại di động Nokia 110i màu đen, đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

\* Tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc đồng hồ đeo tay bằng kim loại, đã qua sử dụng của bị cáo Lò Văn H.



(Vật chứng theo Lệnh xuất kho vật chứng số 145/XVC ngày 30/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và Biên bản giao nhận tài sản tạm giữ ngày 22/11/2017).

4, Về án phí, quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 99, Điều 231, Điều 234 - Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lò Văn H và bị cáo Lò Văn P, mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP B;
- Công an TP B;
- Chi cục THADS TP B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T/M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đinh Thị Vân Anh**